

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Số : 03 /2019/NTW-CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Nhơn Trạch, Ngày 18 tháng 03 năm 2019

BẢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN  
NỘI KIỂM CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÀNH PHẨM - THÁNG 02/2019

- Tổng số mẫu xét nghiệm (Lý hóa và vi sinh) : 24 mẫu
- Tổng số mẫu đạt quy chuẩn : 24 mẫu
- Tổng số chỉ tiêu xét nghiệm : 15 chỉ tiêu (giám sát A)
- Tổng số chỉ tiêu đạt quy chuẩn : 15 chỉ tiêu
- Các chỉ tiêu không đạt : 00 chỉ tiêu

KHU VỰC LẤY MẪU	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ TRỰC TIẾP	SỐ MẪU/ THÁNG		KẾT QUẢ LÝ HÓA		KẾT QUẢ VI SINH		CÁC CHỈ TIÊU KHÔNG ĐẠT
		Lý Hóa	Vi sinh	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	
Khu vực: Khu dân cư xã Đại Phước, Phú Hữu, đường số 2 huyện Nhơn Trạch Tỉnh Đồng Nai	- Trạm bơm nước Đại Phước + Đường số 2	12	12	12	0	12	0	0
Cộng		12	12	12	0	12	0	0
Tỷ lệ %		x	x	100%	0	100%	0	0

- Kết luận: Chất lượng nước tại trạm bơm cấp nước và trên mạng lưới cấp nước đạt tiêu chuẩn và nằm trong giới hạn

Trần trọng.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHO GIÁM ĐỐC



Nguyễn Lương Thăng

Số: 302/KAXN

## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00302.19



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch  
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai  
Tên mẫu : Nước máy  
Lượng mẫu : 1000ml+200ml  
Ngày nhận mẫu : 14/02/2019  
Ngày trả kết quả : 28/02/2019  
Địa điểm lấy mẫu : Đường số 2

### KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,11	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	1,09 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	24,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,64 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	5,32 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	6,78 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,01 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	1,04 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,40 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025

**Nhận xét:** Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Văn Thanh



Bạch Thái Bình

Số: 303/KQXN



## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00303.19

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch  
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai  
Tên mẫu : Nước máy  
Lượng mẫu : 1000ml+200ml  
Ngày nhận mẫu : 14/02/2019  
Ngày trả kết quả : 28/02/2019  
Địa điểm lấy mẫu : Trạm Đại Phước

### KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,17	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,95 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	14,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,64 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	13,07 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	35,61 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,04 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,01 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	1,03 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,40 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

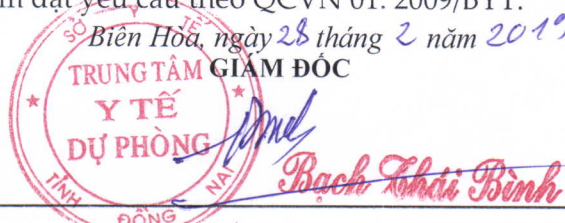
(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025

**Nhận xét:** Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

  
Phạm Văn Thanh



Số: 304 /KAXN

## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00304.19



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch  
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai  
Tên mẫu : Nước máy  
Lượng mẫu : 1000ml+2000ml  
Ngày nhận mẫu : 14/02/2019  
Ngày trả kết quả : 28/02/2019  
Địa điểm lấy mẫu : Bưu Điện Phú Hữu

### KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,21	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,76 NTU	≤ 2 NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	18,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,80 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	12,88 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	36,65 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,03 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,02 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	Không phát hiện	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,40 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

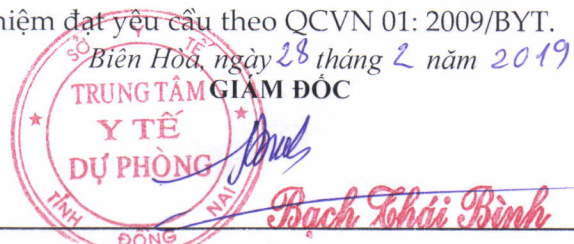
(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025

**Nhận xét:** Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Văn Thanh



Số: 306/KQXN

## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00305.19



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch  
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai  
Tên mẫu : Nước máy  
Lượng mẫu : 1000ml+200ml  
Ngày nhận mẫu : 14/02/2019  
Ngày trả kết quả : 28/02/2019  
Địa điểm lấy mẫu : 348 ấp Cầu Kê

### KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,21	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	1,13 NTU	≤ 2 NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	18,50 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,64 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	8,02 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	37,70 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,04 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,02 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	1,19 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,40 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025

**Nhận xét:** Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỜNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Văn Thanh

Biên Hòa, ngày 28 tháng 2 năm 2019  
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG  
ĐỒNG NAI  
  
Bạch Thị Bình

Số: 401 / KQ XN

## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00401.19



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phân Cấp Nước Nhơn Trạch  
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai  
Tên mẫu : Nước máy  
Lượng mẫu : 1000ml+200ml  
Ngày nhận mẫu : 21/02/2019  
Ngày trả kết quả : 07/03/2019  
Địa điểm lấy mẫu : 348 ấp cầu kê

### KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,31	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,99 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	34,50 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,48 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	8,33 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	8,51 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,01 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,01 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	Không phát hiện	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,40 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

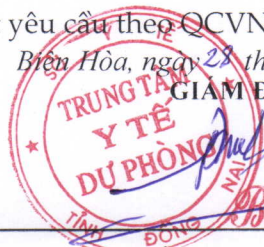
(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỜNG KHOA XÉT NGHIỆM

Biên Hòa, ngày 27 tháng 2 năm 2019  
GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Thanh

Số: 400/KQ.XIV

## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00400.19



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhon Trạch  
Địa chỉ : KCN Nhon Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai  
Tên mẫu : Nước máy  
Lượng mẫu : 1000ml+200ml  
Ngày nhận mẫu : 21/02/2019  
Ngày trả kết quả : 07/03/2019  
Địa điểm lấy mẫu : Bưu Điện Phú Hữu

### KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,30	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,97 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	35,50 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,48 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	7,34 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	8,51 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,01 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,02 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	1,81 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,40 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

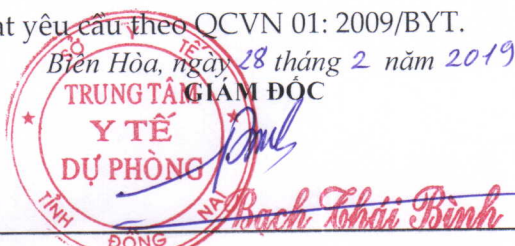
(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025

**Nhận xét:** Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Văn Toanh



Số: 398/KQXN

## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00398.19



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch  
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai  
Tên mẫu : Nước máy  
Lượng mẫu : 1000ml+200ml  
Ngày nhận mẫu : 21/02/2019  
Ngày trả kết quả : 07/03/2019  
Địa điểm lấy mẫu : Đường Số 2

### KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,35	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,90 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	26,50 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,48 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	4,31 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	9,90 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	1,86 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,40 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

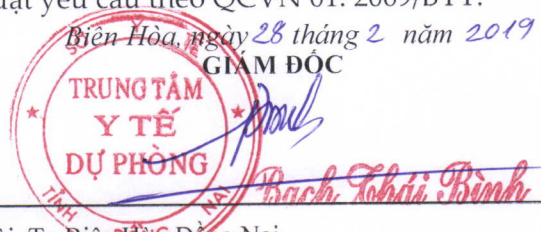
(\* ) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025

**Nhận xét:** Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Văn Thanh





Số: 399 / KQXN

## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00399.19



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch  
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai  
Tên mẫu : Nước máy  
Lượng mẫu : 1000ml+200ml  
Ngày nhận mẫu : 21/02/2019  
Ngày trả kết quả : 07/03/2019  
Địa điểm lấy mẫu : Trạm Đại Phước

### KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,29	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	1,11 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	28,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,64 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	7,43 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	6,78 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,01 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	1,51 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,40 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025

**Nhận xét:** Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Biên Hòa, ngày 28 tháng 2 năm 2019



Phạm Văn Thanh

Bạch Khải Bình

Số: 452 / KA XN

## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00452.19



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch  
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai  
Tên mẫu : Nước máy  
Lượng mẫu : 1000ml+200ml  
Ngày nhận mẫu : 28/02/2019  
Ngày trả kết quả : 14/03/2019  
Địa điểm lấy mẫu : Hộ 348, ấp Cầu Kê

### KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,04	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	1,30 NTU	≤ 2 NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	20,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Peranganate	TCVN 6186:1996	0,48 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	9,77 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	59,59 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,04 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,03 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	2,69 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,40 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

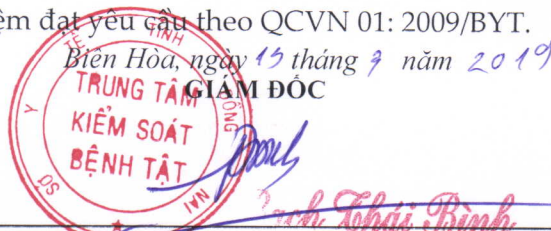
(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Văn Loan



Số: 451/K&XN

## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00451.19



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch  
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai  
Tên mẫu : Nước máy  
Lượng mẫu : 1000ml+200ml  
Ngày nhận mẫu : 28/02/2019  
Ngày trả kết quả : 14/03/2019  
Địa điểm lấy mẫu : Bưu Điện Phú Hữu

### KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,02	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	1,12 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	18,50 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,64 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	9,21 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	57,85 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,03 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,01 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	2,58 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,40 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025

**Nhận xét:** Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Văn Chánh



Biên Hòa, ngày 13 tháng 3 năm 2019

GIAM ĐỐC

Phạm Chí Bình

Số: 450 / KA XIV

## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00450.19



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch  
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai  
Tên mẫu : Nước máy  
Lượng mẫu : 1000ml+200ml  
Ngày nhận mẫu : 28/02/2019  
Ngày trả kết quả : 14/03/2019  
Địa điểm lấy mẫu : Trạm Đại Phước

### KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,02	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	1,08 NTU	≤ 2 NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	18,50 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,64 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	12,46 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	59,24 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,03 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,02 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	2,67 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,40 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

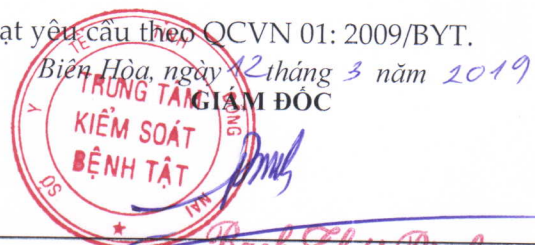
(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025

**Nhận xét:** Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

  
Phạm Văn Thanh



Số: 449 / KQ XIV

## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00449.19



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhon Trạch  
Địa chỉ : KCN Nhon Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai  
Tên mẫu : Nước máy  
Lượng mẫu : 1000ml+200ml  
Ngày nhận mẫu : 28/02/2019  
Ngày trả kết quả : 14/03/2019  
Địa điểm lấy mẫu : Đường số 2

### KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,29	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,67 NTU	≤ 2 NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	13,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,48 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	4,80 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	4,34 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	2,13 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,40 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

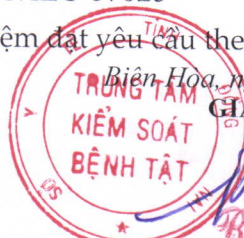
(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025

**Nhận xét:** Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

*Phạm Văn Thanh*



Biên Hòa, ngày 12 tháng 3 năm 2019

GIAM ĐỐC